



**Trung tâm Tin học và  
Thống kê**

**Cục Chế biến và Phát triển  
thị trường nông sản**

**Viện Chính sách và Chiến  
lược Phát triển nông nghiệp  
nông thôn**

## **THÔNG TIN THAM KHẢO ĐỊNH KỲ VỀ THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THÁNG 9/2018**

Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 9 năm 2018 ước đạt 3,38 tỷ USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu 9 tháng đầu năm 2018 đạt 29,55 tỷ USD, tăng 9,3% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 15,2 tỷ USD (tăng 4,4%); giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt 6,4 tỷ USD (tăng 7,2%); giá trị xuất khẩu chăn nuôi ước đạt 0,41 tỷ USD (tăng 5,2%); giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 6,7 tỷ USD (tăng 15,8%). Bốn thị trường xuất khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản chính của Việt Nam là Trung Quốc, Mỹ và Nhật Bản và Hàn Quốc chiếm thị phần lần lượt là 22,9% (tăng 5,7%), 17,5% (tăng 7,3%), 8,8% (tăng 6,6%) và 6,9% (tăng 31,4%).

Trong khi đó, giá trị nhập khẩu nông, lâm, thủy sản tháng 9 năm 2018 ước đạt 2,63 tỷ USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu 9 tháng đầu năm 2018 đạt 23,42 tỷ USD, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm 2017. Giá trị nhập khẩu chăn nuôi 8 tháng đầu năm 2018 đạt 1,8 tỷ USD, tăng 21,7% so với cùng kỳ năm 2017. Ước tính giá trị nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi tháng 9 năm 2018 đạt 148,51 triệu USD, nâng giá trị nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi 9 tháng đầu năm 2018 đạt 1,95 tỷ USD, tăng 19,9% so với cùng kỳ năm 2017. Mặt hàng có giá trị nhập khẩu tăng mạnh nhất là mặt hàng ngô, 9 tháng đầu năm 2018 giá trị nhập khẩu ngô đạt 1,5 tỷ USD tăng 37% so với cùng kỳ, tiếp đến là bông với giá trị nhập khẩu đạt 2,39 tỷ USD (tăng 29,2%).

Trong tháng 9/2018 giá cả nhiều loại nông sản tăng như giá lúa gạo, giá lợn hơi, thanh long, rau củ tại miền Bắc, cá tra nguyên liệu. Trong khi đó giá một số loại nông sản chủ lực cũng đang giảm mạnh như cà phê, tôm thẻ chân trắng, bơ booth tại Tây Nguyên.

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG MỘT SỐ NÔNG SẢN CHỦ LỰC

### 1. Lúa gạo

Khối lượng gạo xuất khẩu tháng 9 năm 2018 ước đạt 443 nghìn tấn với giá trị đạt 212 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu gạo 9 tháng đầu năm 2018 ước đạt gần 5 triệu tấn với kim ngạch 2,5 tỷ USD, tăng 8,5% về khối lượng và tăng 23,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Trung Quốc vẫn tiếp tục đứng vị trí thứ nhất về thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2018 với 23,2% thị phần. Xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 8 tháng đầu năm 2018 đạt 1,02 triệu tấn và 529,9 triệu USD, giảm 34,9% về khối lượng và giảm 24,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Trong 8 tháng đầu năm 2018, các thị trường có giá trị xuất khẩu gạo tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2017 là Indonesia (gấp 67 lần), Iraq (gấp 3 lần), Hồng Kông (tăng 70,6%), Philippine (tăng 67,4%) và Malaysia (tăng 26,9%). Giá gạo xuất khẩu bình quân 8 tháng đầu năm 2018 đạt 504 USD/tấn, tăng 14,6% so với cùng kỳ năm 2017.

Về loại gạo xuất khẩu, trong tháng 8/2018, giá trị xuất khẩu gạo trắng 5% tám chiếm 38,5% tổng kim ngạch, gạo Jasmine và gạo thơm chiếm 29,3%, gạo nếp chiếm 8% và gạo Nhật (Japonica) chiếm 7%. Thị trường xuất khẩu gạo Nhật (Japonica) lớn nhất của Việt Nam là Papua New Guinea, chiếm 74% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo Nhật, đạt 15 triệu USD. Với gạo thơm và gạo Jasmine, thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam là Ghana (chiếm 39% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo thơm và gạo Jasmine, đạt 31 triệu USD). Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu gạo nếp lớn nhất của Việt Nam, chiếm 69% tổng kim ngạch xuất khẩu, tương đương 17 triệu USD. Giá trị xuất khẩu gạo nếp trong tháng 8/2018 đã tăng gấp 2,5 lần so với tháng 7/2018.

Giá lúa gạo khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) diễn biến trái chiều trong tháng 9/2018. Giá lúa tại An Giang giảm mạnh do mưa lũ làm lúa bị gãy đổ, chất lượng kém, trong khi giá lúa tại Bạc Liêu tăng và ổn định tại Kiên Giang. Tại An Giang, lúa IR50404 giảm 700 đ/kg, từ 5.200 đ/kg xuống còn 4.500 đ/kg; gạo tẻ IR50404 ổn định mức 10.000 đ/kg; gạo chất lượng cao ở mức 12.500 đ/kg; gạo thơm đặc sản Jasmine 14.000 đ/kg. Tại Bạc Liêu, lúa tươi OM 5451, OM 6976 giữ ở mức 4.800 đ/kg; Tại Kiên Giang, lúa IR50404 ổn định ở mức 5.800 – 5.900 đ/kg; lúa OM 4218 giảm 100 đ/kg xuống 6.100 - 6.200 đ/kg; lúa OM 6976 tăng 100 đ/kg lên mức 6.300 - 6.400 đ/kg; lúa Jasmine ở mức 7.000 – 7.200 đ/kg.

Dự báo, thị trường lúa gạo trong nước sẽ khởi sắc trong quý 4/2018 do nhu cầu nhập khẩu gạo tăng của các nước Phillipine, Hàn Quốc, Nigeria và Ai Cập, Indonesia tăng. Do ảnh hưởng của siêu bão Mangkhut đã làm tổn thất khoảng 250 nghìn tấn lúa tại Phillipine; giá gạo nội địa tại nước này hiện đang cao hơn 15-20% so với giá cùng kỳ năm ngoái. Do đó, chính phủ Phillipines sẽ sớm nhập khẩu thêm gạo theo cả hợp đồng chính phủ (G2G) và tăng hạn ngạch nhập khẩu cho các doanh nghiệp tư nhân, để sớm bổ sung kho dự trữ và ổn định giá gạo trong nước. Chính phủ Hàn Quốc sẽ nhập khẩu thêm 350 nghìn tấn gạo để dự trữ trong nước và hỗ trợ quốc tế. Tại Nigeria, lũ lụt tàn phá 21 ngàn ha lúa (tương đương với 168 ngàn tấn gạo) sắp thu hoạch đã khiến giá gạo tại nước này tăng đột biến. Tuy chính phủ Nigeria đã ra lệnh cấm nhập khẩu gạo từ đầu năm nay, nhưng trước nguồn cung hạn hẹp trong nước, nước này có thể sớm phải nhập khẩu thêm gạo. Ai Cập cũng vừa đồng ý sẽ nhập khẩu 1 triệu tấn gạo trắng từ Việt Nam trong 3 đến 4 tháng tiếp theo sau khi cắt giảm diện tích canh tác lúa do thiếu nước. Trong khi đó, xuất khẩu gạo sang Trung Quốc trong tháng tới có thể chứng lại do từ cuối tháng 9/2018, một số tỉnh như Vân Nam, Cát Lâm đã bắt đầu vào vụ thu hoạch, nguồn cung trong nước sẽ tăng. Xuất khẩu gạo sang Indonesia trong tháng tới cũng được dự báo chứng lại khi chính phủ Indonesia vừa hủy quyết định nhập khẩu 600 nghìn tấn gạo, sau khi Bộ Nông nghiệp nước này dự báo sản lượng gạo năm nay đạt 83 triệu tấn, tăng 2 triệu tấn so với năm ngoái.

## 2. Sản

Xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản trong tháng 9 ước đạt 144 nghìn tấn với giá trị kim ngạch 60,6 triệu USD, đưa tổng lũy kế xuất khẩu sản trong 9 tháng đầu năm 2018 ước đạt 1,83 triệu tấn và 698 triệu USD, giảm 35,8% về lượng nhưng chỉ giảm 3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Mặc dù lượng sản xuất khẩu sụt giảm mạnh so với năm 2017 nhưng giá sản xuất khẩu trong 9 tháng đầu năm 2018 lại tăng mạnh 51,2% so với cùng kỳ năm 2017. Qua 8 tháng đầu năm, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu chính sản và sản phẩm từ sản của Việt Nam, với 1,51 triệu tấn (chiếm tới 89,4% thị phần).

Từ tháng 5 năm 2018, nhu cầu nhập khẩu sản của Trung Quốc liên tục giảm do giá còn xuống thấp, và nguồn cung ngô nội địa phục vụ sản xuất ethanol tăng mạnh sau động thái xả kho ngô dự trữ của chính phủ nước này. Mặc dù vậy, mới đây, Trung Quốc công bố sẽ thúc đẩy việc sử dụng xăng sinh học ethanol trên các phương tiện giao thông ở 15 khu vực, trong đó có bao gồm các thành phố lớn như Bắc Kinh, Thiên

Tân và Hà Bắc. Theo đó nước này sẽ đặt kế hoạch xây dựng các nhà sản xuất ethanol từ sắn.

Theo Hiệp hội sắn Thái Lan, sản lượng sắn niên vụ 2018-2019 của Thái Lan dự báo sẽ đạt 33 triệu tấn do diện tích trồng sắn tăng mạnh. Tuy nhiên, sản lượng sắn của Thái Lan bị ảnh hưởng nặng nề bởi mưa lớn và ngập lụt hồi cuối tháng 7/2018 gây ảnh hưởng đến nguồn cung sắn.

Thị trường sắn lát trong nước từ nay đến cuối năm dự báo diễn ra sôi động, nhu cầu sử dụng sắn lát tăng do nhiều xưởng chế biến thực phẩm hoạt động trở lại sau thời gian duy tu, bảo dưỡng. Ngoài ra, nguồn cung sắn của Thái Lan được giảm do ảnh hưởng của mưa lũ cùng với sự hoạt động trở lại của các nhà máy cồn và hóa chất tại và kế hoạch xây dựng thêm nhà máy sản xuất ethanol từ sắn của Trung Quốc sẽ là yếu tố tích cực thúc đẩy nhu cầu nhập khẩu sắn của thị trường này.

### **3. Rau quả**

Giá trị xuất khẩu rau quả tháng 9/2018 của Việt Nam ước đạt 380 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu rau quả 9 tháng đầu năm 2018 ước đạt 3,1 tỷ USD, tăng 17,1% so với cùng kỳ năm 2017. Trung Quốc đứng vị trí thứ nhất về nhập khẩu rau quả của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2018 với 74,1% thị phần. Xuất khẩu rau quả sang thị trường này trong 8 tháng đầu năm 2018 đạt gần 2 tỷ USD, tăng 11,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Tám tháng đầu năm 2018, các thị trường có giá trị xuất khẩu rau quả tăng mạnh là Thái Lan (tăng 37,9%), Úc (tăng 36%), Hoa Kỳ (tăng 26,3%) và Hàn Quốc (tăng 21,4%).

Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam tháng 9/2018 ước đạt 156 triệu USD, đưa tổng giá trị mặt hàng rau quả nhập khẩu 9 tháng đầu năm 2018 đạt 1,3 tỷ USD, tăng 12,7% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, nhập khẩu rau ước đạt 330 triệu USD, tăng 35,9% so với cùng kỳ 2017 và mặt hàng quả ước đạt 911 triệu USD, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm 2017. Thị trường mà Việt Nam nhập khẩu rau quả lớn nhất trong 8 tháng đầu năm 2018 là Thái Lan (chiếm 45% thị phần) và Trung Quốc (chiếm 21,9%). Trong 8 tháng đầu năm 2018 giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam ở hầu hết các thị trường chính đều tăng so với cùng kỳ năm 2017 ngoại trừ thị trường Thái Lan (giảm 16,6%) và thị trường Myanmar (giảm 13,4%). Các thị trường mà Việt Nam nhập khẩu rau quả tăng nhiều nhất là Hàn Quốc (tăng 93,8% về kim ngạch), trường Hoa Kỳ (tăng 83,5%) và Úc (tăng 72,7%).

Trong tháng 9/2018, giá một số loại trái cây tại vùng ĐBSCL tăng đáng kể. Giá mít Thái ở ĐBSCL được các thương lái thu mua với giá từ 54.000-55.000 đ/kg, tăng khoảng 5.000-10.000 đ/kg so cách đây một tháng. Đây là lần đầu tiên giá mít Thái lập một kỷ lục mới phá vỡ mức cũ là 50.000 đ/kg trong những năm qua. Ngoài ra, thị trường sầu riêng tại Đaklak tăng mạnh với mức giá 68.000-70.000 đ/kg, trong khi giá năm ngoái là khoảng 45.000-48.000 đ/kg với điều kiện thời tiết thuận lợi khiến sầu riêng được mùa. Cũng trong tháng 9/2018, giá thanh long mua tại vườn ở tỉnh Bình Thuận bất ngờ đạt mức giá từ 22.000-25.000 đ/kg, tùy chất lượng do gần đến tết Trung thu nên thị trường Trung Quốc tiêu thụ mạnh. Trong khi đó, bơ Booth (bơ muộn) tại Tây Nguyên chỉ đạt mức giá 25.000 – 30.000 đ/kg, trong khi mức giá của năm ngoái là từ 40.000 – 50.000 đ/kg. Lý do giá loại bơ này giảm là do tình trạng mở rộng diện tích trồng bơ Booth tự phát, thiếu tính bền vững trong khi loại trái cây này chưa phù hợp với thị hiếu tiêu dùng trong nước.

Thị trường rau củ trong tháng 9/2018 có sự biến động tăng tại một số vùng phía Bắc do tác động của các cơn bão gây mưa lớn làm sản lượng rau củ tại những khu vực trồng rau giảm đáng kể, đặc biệt tại một số chợ đầu mối của Hà Nội có mức tăng giá của các loại rau củ rất mạnh từ 30 - 40% trong nửa đầu tháng 9. Trong khi đó tại Ninh Thuận, hành tím đang được thương lái thu mua tại ruộng với giá chỉ từ 14.000 đồng/kg trở lại, hành giống từ 10.000-12.000 đồng/kg, giảm 50% về giá so với cùng kỳ năm ngoái, khiến người dân đang gặp rất nhiều khó khăn.

#### **4. Cà phê**

Xuất khẩu cà phê tháng 9/2018 ước đạt 136 nghìn tấn với giá trị đạt 236 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu cà phê 9 tháng đầu năm 2018 ước đạt 1,46 triệu tấn và 2,77 tỷ USD, tăng 20,1% về khối lượng và 0,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Đức và Mỹ tiếp tục là hai thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2018 với thị phần lần lượt là 12,6% và 9,8%. Các thị trường có giá trị xuất khẩu cà phê trong 8 tháng đầu năm 2018 tăng mạnh là: Indonesia (tăng gấp 8 lần), Nga (tăng 66,6%) và Philippin (tăng 46,6%). Giá cà phê xuất khẩu bình quân 8 tháng đầu năm 2018 đạt 1.913 USD/tấn, giảm 15,5% so với cùng kỳ năm 2017.

Hiện thị trường cà phê toàn cầu đang chịu áp lực dư thừa nguồn cung và nhu cầu mua thấp. Trong tháng 9/2018, thị trường cà phê trong nước biến động giảm theo xu hướng thị trường thế giới. So với tháng trước, cà phê vối nhân xô tại các tỉnh Tây Nguyên giảm 700 đ/kg xuống còn 31.900 – 32.500 đ/kg. Nhìn lại 9 tháng đầu năm



năm 2018, giá cà phê trong nước biến động giảm mạnh với mức giảm 2.100 – 2.400 đ/kg.

Dự báo trong ngắn hạn, thị trường cà phê khó khởi sắc do Việt Nam chuẩn bị bước vào vụ thu hoạch mới năm nay trong khoảng vài tuần lễ nữa; sản lượng cà phê thế giới được mùa ở cả Brazil, Việt Nam và các nước sản xuất cà phê lớn khác như Colombia, Ấn Độ, Indonesia... Bên cạnh đó, Cục Dự trữ liên bang Mỹ tăng lãi suất cơ bản đồng đô la dẫn đến đồng đô la mạnh so với đồng tiền của các nước xuất khẩu lớn, trong khi cà phê giao dịch trên thị trường thế giới định giá bằng đô la, nên dẫn đến sức ép giảm giá cà phê.

## 5. Tiêu

Xuất khẩu hạt tiêu trong tháng 9/2018 ước đạt 20 nghìn tấn, trị giá 57 triệu USD. Lượng xuất khẩu hạt tiêu 9 tháng đầu năm 2018 ước đạt 195 nghìn tấn và đạt kim ngạch 641 triệu USD, tăng 8% về khối lượng nhưng giảm 33,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Các thị trường chính của hạt tiêu Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2018 tiếp tục là Mỹ (với 112,8 triệu USD, chiếm 19,3% tỷ trọng xuất khẩu tiêu), Ấn Độ (với 49,1 triệu USD, chiếm 8,4%), Pakistan (với 27,1 triệu USD, chiếm 4,6%) và Đức (với 22,7 triệu USD, chiếm 3,9%). Khối lượng xuất khẩu sang các thị trường này phần lớn đều tăng trong khi giá trị xuất khẩu tiếp tục giảm. Cụ thể xuất khẩu tiêu sang Ấn Độ đạt 15,2 nghìn tấn, tăng 3,5 nghìn tấn (tương đương 30%); Mỹ đạt 31,6 nghìn tấn, tăng 2,9 nghìn tấn (tương đương 10,3%); Pakistan đạt 8,5 nghìn tấn, tăng 1,2 nghìn tấn (tương đương 16,9%) và Đức đạt 5,9 nghìn tấn, tăng 219 tấn (tương đương 3,8%) so với cùng kỳ năm 2017.

Giá xuất khẩu hạt tiêu bình quân 9 tháng đầu năm 2018 ước đạt 3.279 USD/tấn, giảm 38,6% so với cùng kỳ năm 2017.

Tại thị trường trong nước, trong 9 tháng đầu năm 2018, giá tiêu trong nước giảm do nguồn cung lớn và ảnh hưởng giá thế giới. Trong tháng 9/2018, giá thu mua hạt tiêu đen có xu hướng tăng nhẹ. Cụ thể, tính đến ngày 23/9/2018, giá thu mua hạt tiêu đen dao động ở mức 49.000-51.000 đồng/kg, tăng 2.000-3.000 đồng/kg so với đầu tháng. Tuy nhiên, so với cuối năm 2017, giá tiêu tại Bà Rịa Vũng Tàu và Gia Lai giảm 21.000 đ/kg, tại Đắk Lắk, Đắk Nông và Đồng Nai giảm 22.000 đ/kg

Trong ngắn hạn, Hiệp hội hồ tiêu quốc tế (IPC) dự báo giá tiêu thế giới sẽ dao động trong khoảng hẹp. Thời gian tới giá tiêu trên thị trường thế giới có thể ổn định do vụ mùa Indonesia đã thu hoạch xong nhưng sản lượng ước tính tương đương hoặc thấp

hơn năm ngoái, đồng thời mùa vụ sắp tới ở Ấn Độ trong tháng 12 được dự báo sẽ giảm do ảnh hưởng của lũ lụt.

## 6. Điều

Trong tháng 9, khối lượng điều nhân Việt Nam xuất khẩu ước đạt 32 nghìn tấn với giá trị 275 triệu USD. Lũy kế xuất khẩu điều nhân 9 tháng đầu năm 2018 ước đạt 275 nghìn tấn và với kim ngạch 2,56 tỷ USD, tăng 6,8% về lượng và 0,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Mỹ, Hà Lan và Trung Quốc vẫn duy trì là 3 thị trường nhập khẩu điều lớn nhất của Việt Nam chiếm thị phần lần lượt là 38,7%, 12,2% và 10,6% tổng giá trị xuất khẩu hạt điều. Tính chung 8 tháng đầu năm 2018, xuất khẩu hạt điều sang Mỹ đạt 93,5 nghìn tấn, trị giá 883,1 triệu USD, tăng 15,3% về lượng và tăng 8,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2017. Trong khi đó, xuất khẩu hạt điều sang Trung Quốc tăng 1,1% về lượng, nhưng giảm 4,1% về kim ngạch, đạt 26,3 nghìn tấn, trị giá 242,45 triệu USD.

Khối lượng điều thô nhập khẩu trong tháng 9/2018 ước đạt 76 nghìn tấn với giá trị đạt 138 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị nhập khẩu điều thô trong 9 tháng đầu năm 2018 đạt 968 nghìn tấn và giá trị 1,95 tỷ USD, giảm 14,2% về khối lượng và giảm 11,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017.

Giá xuất khẩu điều nhân bình quân tháng 9/2018 đạt 8.535 USD/ tấn, tăng 69 USD/tấn (tương đương 0,8%) so với tháng 8/2018. Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng 8/2018, giá xuất khẩu điều nhân bình quân đạt khoảng 9.402 USD/tấn, giảm 5% so với cùng kỳ năm trước. So với tháng trước, giá điều trong nước biến động thất thường tùy vào từng địa phương. Cụ thể, giá điều thô tại Bình Phước tăng khá 3.000 đ/kg lên mức 40.000 đ/kg. Trong khi đó, giá điều thô tại Đồng Nai tiếp tục giảm 1.000 đ/kg, từ 47.000 đ/kg xuống 46.000 đ/kg.

Hiện ngành điều vẫn đang chịu sức ép từ dư cung nhưng giá điều đã có dấu hiệu phục hồi sau khi các thị trường tiêu thụ lớn đẩy mạnh nhập khẩu trong những tháng cuối năm. Việc phụ thuộc quá nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu vẫn là thách thức lớn cho ngành điều Việt Nam khi mà một số nước như Nigeria, Bờ Biển Ngà định hướng hạn chế xuất khẩu điều thô khiến giá điều nhập khẩu bị đẩy lên cao. Trong bối cảnh giá xuất khẩu điều nhân có xu hướng giảm, nguồn cung điều thô bất ổn, doanh nghiệp chế biến điều trong nước cần tập trung vào “tăng chất, giảm lượng” nhằm nâng cao giá trị sản phẩm và giảm phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

## 7. Cao su

Ước tính khối lượng xuất khẩu cao su tháng 9/2018 đạt 177 nghìn tấn với giá trị đạt 228 triệu USD, lũy kế xuất khẩu cao su 9 tháng đầu năm 2018 ước đạt 1,06 triệu tấn, với giá trị 1,45 tỷ USD; tăng 19,9% về khối lượng nhưng giảm 10% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Trung Quốc, Ấn Độ, và Malaysia là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2018, chiếm thị phần lần lượt 63,3%, 5,7% và 3,9%. Đáng chú ý, xuất khẩu sang thị trường Ấn Độ tiếp tục tăng trưởng mạnh cả về giá trị và sản lượng do lũ lụt tại Kerala đã gây thiệt hại nặng nề đến nguồn cung cao su tự nhiên của nước này. Tính chung 8 tháng năm 2018, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Ấn Độ đạt 53,02 nghìn tấn, trị giá 78,7 triệu USD, tăng 62,5% về lượng và tăng 42% về trị giá so với cùng kỳ năm 2017.

Khối lượng nhập khẩu cao su tự nhiên trong tháng 9/2018 ước đạt 45 nghìn tấn với giá trị đạt 86 triệu USD, lũy kế nhập khẩu 9 tháng đầu năm 2018 đạt 432 nghìn tấn với giá trị 794 triệu USD, tăng 10% về khối lượng nhưng giảm 1,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017.

Từ đầu năm 2018 đến nay, giá cao su trong nước luôn ở mức thấp do nguồn cung toàn cầu tăng cao, trong khi căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung Quốc kéo dài khiến cho ngành cao su Việt Nam cũng bị tác động, bởi mặt hàng lốp xe ô tô nằm trong danh sách các mặt hàng chịu thuế bổ sung 10% của Mỹ. Giá cao su xuất khẩu bình quân tháng 9/2018 ước đạt 1.285 USD/tấn, tăng nhẹ 1,26% so với tháng 8/2018 nhưng giảm 19,7% so với mức giá 1.601 USD/tấn của cùng kỳ năm 2017. Giá mủ cao su trong nước tháng 9 giảm nhẹ so với tháng 8; tại Đồng Nai, giá mủ tiếp tục giảm 500 đ/kg, từ 12.500 đ/kg xuống còn 12.000 đ/kg.

Dự báo giá cao su trên thị trường nhiều khả năng sẽ tiếp tục chịu sự chi phối bởi diễn biến căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc và tồn kho cao su vẫn ở mức cao. Các doanh nghiệp xuất khẩu cao su của Việt Nam có thể sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn hơn do nhu cầu thấp từ các nước nhập khẩu cao su chủ chốt. Do đó, các doanh nghiệp cần chủ động tìm kiếm đối tác mới để tránh phụ thuộc vào thị trường truyền thống trong thời kỳ ngành cao su thiên nhiên còn nhiều khó khăn.

## 8. Chè

Xuất khẩu chè tháng 9/2018 ước đạt 11 nghìn tấn với giá trị đạt 19 triệu USD. Lũy kế xuất khẩu chè 9 tháng đầu năm 2018 ước đạt 92 nghìn tấn và 152 triệu USD, giảm 10% về khối lượng và giảm 7,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Các thị



trường chính của chè Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2018 tiếp tục là Pakistan (với 46,1 triệu USD, chiếm 34,7% tỷ trọng xuất khẩu chè), Đài Loan (với 18,6 triệu USD, chiếm 14,0%), Nga (với 15,6 triệu USD, chiếm 11,8%), Trung Quốc (với 10,7 triệu USD, chiếm 8,1%), Indonesia (với 6 triệu USD, chiếm 4,5%) và Mỹ (với 5 triệu USD, chiếm 3,7%).

Điểm nhấn của xuất khẩu chè trong 8 tháng đầu năm 2018 tiếp tục là sự tăng trưởng mạnh của thị trường Pakistan. Thị phần của Pakistan trong tổng kim ngạch xuất khẩu chè của Việt Nam 8 tháng đầu năm 2018 đã tăng 6,8%, khối lượng xuất khẩu cũng đã tăng 1,8 nghìn tấn (tương đương tăng 9,7%) so với cùng kỳ năm 2017.

Giá chè xuất khẩu bình quân 9 tháng đầu năm 2018 ước đạt 1.648 USD/tấn, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm 2017. Trong nước, giá chè tháng 9/2018 nhìn chung ổn định. Tại Thái Nguyên, giá chè cành chất lượng cao giữ mức 200.000 đ/kg, chè xanh búp khô là 105.000 đ/kg. Tại Bảo Lộc (Lâm Đồng), giá chè nguyên liệu (búp tươi) sản xuất chè xanh loại 1 giữ mức 9.000 đ/kg, giá chè nguyên liệu sản xuất chè đen là 6.000 đ/kg. Nhìn chung, thị trường chè từ đầu năm đến nay không có biến động lớn. Hiện tại cũng chưa có dấu hiệu nào cho thấy giá chè sẽ dao động mạnh trong các tháng cuối năm 2018.

Theo số liệu thống kê của FAO, các thị trường chính của chè Việt Nam là Pakistan, Trung Quốc và Indonesia đều tăng trưởng về tiêu dùng chè trong thập kỷ vừa qua. Cụ thể, trong giai đoạn 2007-2016, tiêu dùng chè bình quân đầu người của Trung Quốc tăng tới 128,6%, Pakistan tăng 35,8%, và Indonesia tăng 26,6%. Các nước này đều được dự báo sẽ tiếp tục đà tăng trưởng tiêu dùng trong các năm tiếp theo. Đây là một lợi thế cho ngành hàng chè Việt Nam để có thể mở rộng thị trường và tăng xuất khẩu sang các thị trường này.

## **9. Chăn nuôi**

Trong tháng 9/2018, tình hình dịch bệnh tiếp tục diễn biến phức tạp, gây ra mối đe dọa lớn đối với ngành chăn nuôi lợn toàn cầu. Tính đến 24/9, Trung Quốc đã báo cáo 20 điểm bùng phát dịch tả lợn châu Phi (ASF) tại 8 tỉnh, cho thấy ASF vẫn chưa được kiểm soát và ngày càng lan rộng. Chính phủ Trung Quốc đã áp dụng các biện pháp ứng phó bao gồm cấm vận chuyên lợn sống trong 7 tỉnh báo cáo dịch và 11 tỉnh lân cận, đóng cửa các chợ bán thực phẩm tươi sống và cấm sử dụng thức ăn chăn nuôi chiết xuất từ tiết lợn. Trong khi đó, Hàn Quốc đã phát hiện gene của virus ASF trong 2 sản phẩm thịt lợn đã qua chế biến do 2 khách du lịch đến từ Trung Quốc mang theo.

Lần đầu tiên sau 26 năm, Nhật Bản xác nhận dịch tả lợn đã bùng phát tại nước này. Tại Châu Âu, việc dịch tả lợn xảy ra ở Hungary, Ba Lan và Bỉ, gây ra những lo ngại nghiêm trọng rằng dịch bệnh sẽ lây lan sang các nước xuất khẩu thịt lợn lớn như Pháp hoặc Đức, từ đó ảnh hưởng lớn đến thương mại lợn toàn cầu. Nhằm ngăn chặn sự xâm nhiễm của dịch bệnh, Lào, Thái Lan, Philippines, Việt Nam đã tạm ngừng nhập khẩu thịt lợn và các sản phẩm thịt lợn từ các quốc gia đã phát hiện có dịch tả lợn.

Trong nước, giá lợn hơi tăng trong tháng 9/2018. Hiện, giá lợn hơi tại miền Bắc đang giao dịch trong mức 52.000 - 55.000 đ/kg, tăng 2.000 – 3.000 đ/kg so với tháng trước. Giá lợn hơi tại miền Trung, Tây Nguyên đang giao dịch trong mức 47.000 - 55.000 đ/kg. Trong đó, Thanh Hóa là địa phương ghi nhận mức tăng cao 4.000 đ/kg với giá lên đến 55.000 đ/kg. Tại miền Nam, đà tăng giá lợn hơi tiếp tục được duy trì. Nhìn chung toàn miền, giá lợn hơi dao động phổ biến ở 52.000 - 53.000 đ/kg, tăng 1.000 – 3.000 đ/kg so với tháng trước. Giá gia cầm có xu hướng giảm. So với tháng trước, giá gà thịt lông màu mua tại trại khu vực Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long giảm 1.000 – 2.000 đ/kg xuống còn 31.000 – 33.000 đ/kg. Giá gà thịt tại hai khu vực này giảm 2.000 đ/kg xuống 20.000 – 22.000 đ/kg. Giá trứng gà tại trại giảm 450 – 500 đ/quả xuống còn 1.450 – 1.650 đ/quả.

Giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi tháng 9 năm 2018 ước đạt 38 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi 9 tháng đầu năm 2018 ước đạt 405 triệu USD, tăng 5,2% so với cùng kỳ năm 2017. Tám tháng đầu năm 2018 giá trị xuất khẩu các sản phẩm từ gia cầm chiếm gần 20 triệu USD, tăng gấp 2,4 lần so với cùng kỳ năm 2017; Giá trị xuất khẩu các sản phẩm từ trâu, bò và lợn đạt 2,14 triệu USD và 28,9 triệu USD, giảm 57,5% và giảm 51,4% so với cùng kỳ năm 2017.

Dự báo, giá lợn hơi sẽ tăng nhẹ trong những tháng cuối năm do nhu cầu tăng. Trong thời gian tới, Việt Nam cần tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp ngăn chặn ASF lây lan vào Việt Nam, đặc biệt cần tăng cường công tác tuần tra, phát hiện và xử lý các trường hợp đưa lợn và thịt lợn không rõ nguồn gốc vào Việt Nam.

## **10. Thủy sản**

Giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tháng 9/2018 ước đạt 799 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu thủy sản 9 tháng đầu năm 2018 ước đạt 6,4 tỷ USD, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm 2017. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc là 4 thị trường xuất khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2018, chiếm 54,1% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản. Trong 8 tháng đầu năm 2018, các thị trường có giá trị

xuất khẩu thủy sản tăng mạnh là Hà Lan (tăng 28,2%), Hồng Kông ( tăng 23,6%) và Anh (tăng 19,9%).

Giá trị nhập khẩu mặt hàng thủy sản của Việt Nam tháng 9/2018 ước đạt 117 triệu USD, đưa tổng giá trị thủy sản nhập khẩu 9 tháng đầu năm 2018 lên 1,26 tỷ USD, tăng 21,3% so với cùng kỳ năm 2017. Năm thị trường nhập khẩu thủy sản lớn nhất trong 8 tháng đầu năm 2018 là Ấn Độ, Na uy, Trung Quốc, Đài Loan và Nhật Bản chiếm thị phần lần lượt là 21,9%,10,3%, 6,6%, 6,5% và 6,5%. So với cùng kỳ năm ngoái, 8 tháng đầu năm 2018 giá trị nhập khẩu thủy sản tăng ở hầu hết các thị trường chính như Indonesia (tăng 87,1%), Na uy (tăng 66,7%) và Hàn Quốc (tăng 66,6%). Ngoại trừ Trung Quốc (giảm 4,3%) và Ấn Độ (giảm 2,7%).

Giá cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL trong tháng 9 có xu hướng xu hướng tăng so với tháng trước, mức giá trung bình hiện trong khoảng 30.000-32.000 đ/kg (cá loại I, 700-900g/con) tại các vùng sản xuất như An Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp...; tăng khoảng 3.000 đ/kg so với tháng trước. Giá cá tra nguyên liệu tăng do nguồn cung khan hiếm đồng thời nhu cầu thu mua cá nguyên liệu để sản xuất phục vụ cho xuất khẩu đang tăng cao. Trong khi đó, giá tôm thẻ chân trắng tăng giá do nguồn cung thấp. Tại Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng, Bến Tre tôm sú ướp đá nguyên liệu cỡ 20-40 con/kg dao động 155.000-200.000 đ/kg, giảm 15.000 đ/kg so với tháng trước. Giá tôm thẻ ướp đá cỡ tăng khoảng từ 10.000-15.000 đ/kg so với tháng trước cụ thể tôm thẻ ướp đá cỡ 50 con/kg đạt 120.000-125.000 đ/kg, cỡ 70 con/kg đạt 100.000-105.000 đ/kg, cỡ 100 con/kg đạt 88.000-90.000 đ/kg.

Ngày 10/9/2018, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) thông báo kết quả cuối cùng thuế chống bán phá giá cho tôm Việt Nam trong giai đoạn xem xét hành chính lần thứ 12-POR12 là 4,58%. Như vậy, mức thuế cuối cùng này thấp hơn rất nhiều so với mức sơ bộ 25,39% mà Bộ Thương mại Mỹ thông báo ngày 8/3/2018. Kết quả này cũng khả quan hơn so với mức thuế cuối cùng của giai đoạn POR11. Ngoài ra theo Bộ Thương mại Mỹ (DOC) thông báo kết quả sơ bộ của đợt rà soát thuế chống bán phá giá lần thứ 14 đối với sản phẩm cá tra là 2,39 USD/kg mức thuế này giảm khá mạnh so với con số 3,87 USD/kg so với đợt trước. Mỹ hạ thuế chống bán phá giá đối với tôm và cá tra tạo điều kiện lớn cho xuất khẩu tôm và cá tra sang thị trường này trong thời gian tới. Ngoài ra, do nhu cầu tiêu thụ cuối năm tăng cao đối với cả mặt hàng tôm và cá tra trong khi đó sản lượng tôm ở Ấn Độ và Thái Lan giảm, dự báo trong thời gian tới giá tôm và cá tra sẽ tăng do các doanh nghiệp trong nước đẩy mạnh xuất khẩu.

Đối với chương trình thanh tra cá da trơn do Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ thực hiện, ngày 19/9/2018, Văn phòng Đăng ký Liên bang (Federal Register) của Hoa Kỳ đã đăng bản Dự thảo quyết định công nhận tương đương hệ thống kiểm ATTP cá bộ Siluriformes của Việt Nam để lấy ý kiến công chúng trong trong thời gian 30 ngày. Cùng với Việt Nam, Thái Lan và Trung Quốc cũng được đề xuất công nhận tương đương. Tuy nhiên, chỉ có Việt Nam được đề xuất công nhận ngay mà không phải thanh tra lại (Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ đã thanh tra lại Thái Lan vào tháng 8/2018 và sẽ thanh tra lại Trung Quốc vào tháng 11/2018).

## **11. Gỗ và sản phẩm từ gỗ**

Giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ tháng 9/2018 của Việt Nam ước đạt 742 triệu USD, lũy kế xuất 9 tháng đầu năm 2018 ước đạt 6,41 tỷ USD, tăng 15% so với cùng kỳ năm 2017. Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc tiếp tục là 4 thị trường nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2018, chiếm 79,2% tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ.

Giá trị nhập khẩu tháng 9/2018 của Việt Nam ước đạt 205 triệu USD, lũy kế nhập khẩu 9 tháng đầu năm ước đạt 1,67 tỷ USD, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2017. Trong 8 tháng đầu năm 2018, giá trị nhập khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ so với cùng kỳ năm 2017 của hầu hết các thị trường nhập khẩu chính đều tăng như Brazil (tăng 39,2%), Chi Lê (tăng 20,6%) và Mỹ (tăng 18,6%); ngoại trừ Campuchia (giảm 53,1%), Thái Lan (giảm 15,2%), Niuzilan (giảm 4,6%) và thị trường Malaixia (giảm 3,2%). Nhu cầu nhập khẩu gỗ của Việt Nam tại các thị trường có tính hợp pháp cao như Brazil, Chi-lê và Mỹ tăng mạnh cho thấy nhu cầu nội địa với các sản phẩm gỗ cứng nhiệt đới có nguồn gốc xuất xứ minh bạch, hợp pháp.

Trên thị trường thế giới, thương mại gỗ và các sản phẩm từ gỗ không có nhiều biến động trong bối cảnh xung đột thương mại Mỹ - Trung tiếp tục leo thang và thiếu hụt nguồn gỗ nguyên liệu phục vụ chế biến. Tại Trung Quốc, nhà chế biến và xuất khẩu gỗ, các sản phẩm từ gỗ hàng đầu thế giới, nhu cầu sử dụng gỗ nguyên liệu tăng mạnh. Theo Tổ chức gỗ nhiệt đới quốc tế (ITTO), trong quý I, nhập khẩu gỗ tròn nhiệt đới của nước này tăng tới 22%, đạt mức 14,4 triệu m<sup>3</sup>, nhập khẩu gỗ xẻ cứng nhiệt đới tăng 24%, đạt mức 8,3 triệu m<sup>3</sup>. Bên cạnh đó, việc triển khai dự án đường sắt liên kết 48 thành phố của Trung Quốc với 14 quốc gia Châu Âu được các chuyên gia dự báo là sẽ kéo nhu cầu về gỗ của Trung Quốc lên cao. Trong một diễn biến mới về căng thẳng

thương mại Mỹ - Trung, chính quyền tổng thống Trump áp thuế quan thêm 10% với gói hàng hóa trị giá 200 tỷ đô của Trung Quốc, trong đó có bao gồm các sản phẩm từ gỗ của nước này.

Việc xung đột thương mại leo thang khiến các doanh nghiệp có khả năng phải đối mặt với nguy cơ gian lận “nguồn gốc xuất xứ” và “lẩn tránh thuế” thông qua kênh đầu tư của Trung Quốc vào ngành gỗ và nhập khẩu nguyên liệu, Mỹ có thể sẽ gia tăng các biện pháp kiểm soát đối với gỗ và đồ gỗ xuất khẩu sang thị trường này. Trước mắt, cần kiểm soát chặt chẽ gỗ nguyên liệu vào Việt Nam, kiểm soát chứng chỉ rừng bền vững (FSC), đặc biệt là gỗ có nguồn gốc từ Trung Quốc sang Việt Nam). Về trung hạn, cần thúc đẩy sản xuất đồ nội thất công nghệ cao gắn với truy xuất nguồn gốc. Hỗ trợ và thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước nâng cao năng lực cạnh tranh, ứng phó với xu hướng chuyên hướng đầu tư của các doanh nghiệp Trung Quốc.

Từ ngày 1/10/2018, Hàn Quốc sẽ áp dụng Luật Sử dụng gỗ bền vững sửa đổi năm 2017. Theo đó, các nhà nhập khẩu gỗ vào Hàn Quốc 15 mã hàng gỗ và sản phẩm gỗ thuộc chương 44 gồm: viên nén gỗ (mã HS 440131), dăm gỗ (mã HS 440122), gỗ xẻ bao gồm gỗ ghép thanh, ván sàn (mã HS4407), gỗ dán mã HS 4412) phải làm thủ tục khai báo nguồn gốc gỗ nhập khẩu cho Tổng cục Lâm nghiệp Hàn Quốc trước khi làm thủ tục thông quan với cơ quan Hải quan và phải chứng minh gỗ có nguồn gốc hợp pháp. Từ năm 2020, Luật này sẽ áp dụng đối với toàn bộ mặt hàng gỗ thuộc chương 44 và mặt hàng gỗ thuộc chương 94 của hệ thống mã HS theo quy định của Thông tư số 65/2017/TT-BTC.

Theo quy định của Luật Sử dụng gỗ bền vững sửa đổi năm 2017 của Hàn Quốc, gỗ được coi là hợp pháp nếu đáp ứng được 1 trong số 4 điều kiện sau:

- Có giấy chứng nhận gỗ được khai thác hợp pháp do cơ quan chức năng của nước xuất khẩu cấp; đối với trường hợp của Việt Nam thì lô hàng phải có Bảng Kê lâm sản do cơ quan Kiểm Lâm xác nhận

- Có Tài liệu/giấy tờ do Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp Hàn Quốc quy định đối với các chứng chỉ quốc tế: Chứng chỉ quản lý rừng bền vững, chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm do tổ chức FSC hoặc PEFC cấp; Các tài liệu chứng minh theo cơ chế công nhận lẫn nhau giữa các quốc gia thành viên của PEFC; Hồ xác minh nguồn gốc gỗ hợp pháp được cấp theo hệ thống chứng nhận quốc tế;



- Nước xuất khẩu đã ký hiệp định công nhận lẫn nhau với Hàn Quốc: Nước xuất khẩu cấp giấy chứng nhận gỗ hợp pháp của quốc gia đó và được Hội đồng chứng chỉ rừng của Hàn Quốc công nhận.

- Các loại chứng chỉ khác: Chứng chỉ FLEGT của mỗi quốc gia đã đàm phán hiệp định VPA/FLECH với EU (trong đó có Việt Nam); giấy phép xuất khẩu có thể xác minh tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ của nước xuất khẩu; Giấy phép vận chuyển gỗ hợp pháp được chính phủ hoặc cơ quan chỉ định của Chính phủ ký, đóng dấu hoặc xác nhận đồng ý đóng gói chi tiết, giấy xác nhận do doanh nghiệp xuất khẩu tự khai theo mẫu đối với nước xuất khẩu áp dụng chế độ hạn chế giao dịch thương mại gỗ bất hợp pháp; các loại giấy tờ theo mẫu có thể chứng minh nguồn gốc gỗ hợp pháp và sử dụng gỗ bền vững theo thỏa thuận giữa Hàn Quốc và nước xuất khẩu.

## MỘT SỐ LƯU Ý

Đối với một số ngành hàng có những điểm cần lưu ý trong tháng tới như sau:

- **Lúa gạo:** Dự báo nhu cầu nhập khẩu gạo trong các tháng cuối năm của các thị trường truyền thống tăng. Trong khi đó, nguồn cung gạo trong nước đang bị ảnh hưởng do mùa lũ năm nay tại vùng ĐBSCL nước lớn hơn năm ngoái. Các doanh nghiệp xuất khẩu gạo cần chủ động nguồn nguyên liệu, đồng thời, tập trung thu mua lúa dự trữ chuẩn bị cho các đơn hàng xuất khẩu cuối năm. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp và chính phủ Việt Nam cần chủ động làm việc với các nước nhập khẩu xác định nhu cầu để định hướng tốt cho sản xuất.
- **Rau quả:** Quý 4 xuất khẩu rau quả, đặc biệt là trái cây dự báo sẽ thuận lợi hơn so với quý 3, đặc biệt thị trường Trung Quốc vào các tháng cuối năm dự báo tăng do nhu cầu tiêu dùng của người dân nước này. Các nhà vườn, doanh nghiệp cần chuẩn bị nguồn nguyên liệu để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu, bên cạnh đó, tiếp tục đàm phán để xuất khẩu các loại trái cây mùa vụ của Việt Nam như nhãn, xoài, chuối sang các thị trường giá trị cao như: EU, Hàn Quốc, Mỹ...
- **Điều:** Trong bối cảnh giá xuất khẩu điều nhân có xu hướng giảm, nguồn cung điều thô bất ổn, doanh nghiệp chế biến điều trong nước cần tập trung vào tăng chất lượng nhằm nâng cao giá trị sản phẩm và giảm phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu. Bên cạnh đó, một số địa phương cần thận trọng với việc phát sinh bệnh hại trên cây điều.
- **Cao su:** Các doanh nghiệp cần tìm kiếm đối tác mới để tránh phụ thuộc vào thị trường truyền thống trong thời kỳ ngành cao su thiên nhiên còn nhiều khó khăn.

- **Sản phẩm chăn nuôi:** Tình hình dịch tả lợn Châu Phi đang diễn biến phức tạp, đặc biệt tại Trung Quốc nếu nước này không kiểm soát được dịch bệnh sẽ làm tăng giá thịt lợn hơi của nước này, nguồn hàng khan hiếm. Trong thời gian tới, Việt Nam cần tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp ngăn chặn ASF lây lan vào Việt Nam, đặc biệt cần tăng cường công tác tuần tra, phát hiện và xử lý các trường hợp đưa lợn và thịt lợn không rõ nguồn gốc vào Việt Nam.
- **Thủy sản:** Ngành cá tra và tôm của Việt Nam cần chủ động có kế hoạch cụ thể khi Mỹ quyết định giảm thuế chống bán phá giá cho hàng xuất khẩu. Để tận dụng lợi thế này, các doanh nghiệp và người nuôi cần liên kết chặt chẽ với nhau để đảm bảo nguồn nguyên liệu, chủ động đẩy mạnh xuất khẩu trong những tháng cuối năm.
- **Gỗ và sản phẩm từ gỗ:** Cần kiểm soát chặt chẽ gỗ nguyên liệu vào Việt Nam, kiểm soát chứng chỉ rừng bền vững (FSC), đặc biệt là gỗ có nguồn gốc từ Trung Quốc sang Việt Nam). Về trung hạn, cần thúc đẩy sản xuất đồ nội thất công nghệ cao gắn với truy xuất nguồn gốc. Hỗ trợ và thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước nâng cao năng lực cạnh tranh, ứng phó với xu hướng chuyển hướng đầu tư của các doanh nghiệp Trung Quốc.